

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỞ KIẾN THIẾT THANH HOÁ  
Số 20 Đại lộ Lê Lợi - Thành phố Thanh Hoá  
Bảo cáo tài chính  
Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
đã được kiểm toán

**CÔNG TY TNHH**  
**TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN VN**



## Nội dung

02-03	Báo cáo của Ban giám đốc
04	Báo cáo Kiểm toán
05-21	Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán
05-08	Bảng cân đối kế toán
09-10	Báo cáo kết quả kinh doanh
11	Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ
12-21	Thuyết minh Báo cáo tài chính

## Báo cáo của Ban giám đốc

Ban Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Xổ sở kiến thiết Thanh Hoá (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.

### Công ty

Công ty TNHH một thành viên Xổ sở kiến thiết Thanh Hoá là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 15/QĐ-UBTH ngày 06/01/1993 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá và Quyết định chuyển đổi thành Công ty TNHH một thành viên Xổ sở kiến thiết Thanh Hoá số 3279/QĐ-UBND ngày 23/09/2009. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 28.0022.54.93 do Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Thanh Hoá cấp ngày 28 tháng 12 năm 2009.

### Ngành nghề kinh doanh

1. Kinh doanh phát hành các loại hình xổ số
- Xổ số truyền thống
- Xổ số biết kết quả ngay (Xổ số bốc, xổ số cào)
- Xổ số lô tô các loại.
2. Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, du lịch.
3. Kinh doanh dịch vụ vận tải.
4. Liên doanh, liên kết với các tổ chức kinh tế trong hoạt động xổ số.
5. Kinh doanh các ngành nghề khác theo qui định của pháp luật.

### Kết quả hoạt động

Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 là: 966.421.397 VND

### Các sự kiện sau ngày khoa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

### Ban giám đốc

Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:

Ông Nguyễn Trọng Quang  
Giám đốc công ty

Ông Phạm Văn Tư  
Kế toán trưởng

Kiểm toán viên

Công ty TNHH tài chính kế toán và Kiểm toán VN đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty.

### Công bố trách nhiệm của Ban giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phần ảnh hưởng thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ kế toán. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;

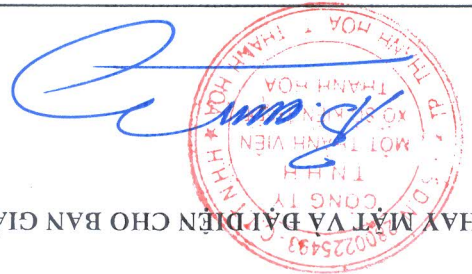
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;

- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kê toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời, gỡ trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày 31/12/2018, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

THAY MẶT VÀ ĐẠI DIỆN CHO BAN GIÁM ĐỐC



NGUYỄN TRỌNG QUANG

GIÁM ĐỐC

Thanh Hoá, ngày 29 tháng 01 năm 2019

Công ty TNHH Tài chính Kế toán  
và Kiểm toán VN

30 Lê Văn An, P. Đồng Thọ TP-Thanh Hóa

Số: 004/2019/BCKT

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Thanh Hóa

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Thanh Hóa (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 18/01/2019 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày 31/12/2018 được trình bày từ trang 5 đến trang 21 kèm theo.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như danh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

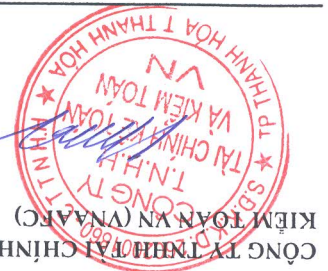
Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Thanh Hóa ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày 31/12/2018, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Thanh Hóa, ngày 29 tháng 01 năm 2019

CÔNG TY TNHH TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN VN (VNAAFC)



Hoàng Minh Tường

Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHNKT số: 0318-2018-143-1

Nguyễn Thị Tâm

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 0585-2018-143-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tài ngày 31 tháng 12 năm 2018

Tài sản Ma số T.Minh Số cuối kỳ Số đầu năm Đơn vị tính: VND

Tài sản	Ma số	T.Minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	100		14.504.890.526	12.966.170.066
1 Tiền và các khoản tương đương tiền	170	V.01	12.103.003.946	11.416.702.000
1 Tiền	111		12.103.003.946	11.416.702.000
2 Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1 Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	121		-	-
2 Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III Các khoản phải thu	130		1.251.583.259	1.036.079.278
1 Phải thu của khách hàng	131	V.02	1.039.973.650	843.523.673
2 Trả trước cho người bán	132		114.000.000	114.000.000
3 Phải thu nội bộ	133		-	-
4 Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5 Các khoản phải thu khác	135	V.03	252.720.863	233.666.859
6 Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(155.111.254)	(155.111.254)
IV Hàng tồn kho	140	V.05	223.613.421	143.406.388
1 Hàng tồn kho	141		223.613.421	143.406.388
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V Tài sản ngắn hạn khác	150		926.689.900	369.982.400
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3 Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154		-	-
4 Tài sản ngắn hạn khác	158	V.06	926.689.900	369.982.400
<b>B TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	200		5.276.442.325	5.351.485.415
1 Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1 Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2 Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3 Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4 Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5 Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II Tài sản cố định	220		5.260.798.689	5.338.589.961
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	3.143.297.689	3.309.089.961
- Nguyên giá	222		5.262.598.733	5.262.598.733
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.119.301.044)	(1.953.508.772)
2 Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.11	2.029.500.000	2.029.500.000
- Nguyên giá	228		2.029.500.000	2.029.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	88.001.000	-

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỞ KIẾN THIẾT THANH HOÀ

Số 20 Đại lộ Lê Lợi - Thành phố Thanh Hoá

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31/12/2018

Báo cáo tài chính

		2018		2017	
III	Bất động sản đầu tư	-	-	240	-
-	Nguyên giá	-	-	241	-
-	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	-	-	242	-
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	250	-
1	Đầu tư vào công ty con	-	-	251	-
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	-	-	252	-
3	Đầu tư dài hạn khác	-	-	258	-
4	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	-	-	259	-
V	Tài sản dài hạn khác	-	-	260	-
1.	Chi phí trả trước dài hạn	12.895.454	15.643.636	261	V.13
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-	262	-
3.	Tài sản dài hạn khác	-	-	268	-
<b>Tổng cộng tài sản</b>		<b>18.317.655,481</b>	<b>19.781.332,851</b>	<b>270</b>	

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Nguồn vốn	Ghi chú	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A NỢ PHẢI TRẢ</b>		8.155.677.580	6.875.762.221
1 Nợ ngắn hạn		8.155.677.580	6.875.762.221
1 Vay và nợ ngắn hạn		-	-
2 Phải trả cho người bán	V.14	78.001.000	-
3 Người mua trả tiền trước	V.15	56.065.000	54.295.000
4 Thuế & các khoản phải nộp Nhà nước	V.16	1.650.393.345	1.166.653.230
5 Phải trả công nhân viên		1.284.043.535	743.293.675
6 Chi phí phải trả	V.17	438.843.462	431.953.850
7 Phải trả nội bộ		-	-
8 Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	V.18	734.820.240	728.691.605
10 Dự phòng phải trả ngắn hạn		2.621.780.000	2.621.780.000
11 Quỹ khen thưởng và phúc lợi		1.291.730.998	1.129.094.861
II Nợ dài hạn		-	-
1 Phải trả dài hạn người bán		-	-
2 Phải trả dài hạn nội bộ		-	-
3 Phải trả dài hạn khác		-	-
4 Vay và nợ dài hạn		-	-
5 Thuế thu nhập hoãn phải trả lại		-	-
6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm		-	-
7 Dự phòng phải trả dài hạn		-	-
<b>B NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		11.625.655.271	11.441.893.260
1 Vốn chủ sở hữu		11.625.655.271	11.441.893.260
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	V.22	10.828.360.095	10.839.851.439
1.1 Nguồn vốn kinh doanh		10.828.360.095	10.839.851.439
2 Thặng dư vốn cổ phần		-	-
3 Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
4 Cổ phiếu ngân quỹ		-	-
5 Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
6 Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
7 Quỹ đầu tư phát triển	V.22	797.295.176	602.041.821
8 Quỹ dự phòng tài chính		-	-
9 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		-	-
11 Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		-	-
<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>		19.781.332.851	18.317.655.481



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỞ KIẾN THIẾT THANH HOÁ

Số 20 Đại lộ Lê Lợi - Thành phố Thanh Hoá

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31/12/2018

Báo cáo tài chính

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Ghi chú	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	Tài sản thuế ngoài	-	-
2	Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công	-	-
3	Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	-	-
4	Nợ khó đòi đã xử lý	-	-
5	Ngoài tệ các loại	-	-
6	Doanh số phát hành xổ số kiến thiết	1.339.331.000	6.333.616.000

Người lập biểu

Kế toán trưởng

*Phạm Văn Tư*

Phạm Văn Tư

Thanh Hoá, ngày 29 tháng 01 năm 2019

Giám đốc

*Nguyễn Trọng Quang*

Nguyễn Trọng Quang

TỔNG KẾ TOÁN: T. O. 2018

Báo cáo tài chính  
 Đơn vị tính: VND

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Năm 2018

Chỉ tiêu	Mã số	Ghi chú	Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	47.055.341.606	46.141.892.843
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	6.136.970.989	6.017.275.731
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	27	40.918.370.617	40.124.617.112
4 Giá vốn hàng bán	11	28	33.555.960.700	33.167.600.633
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7.362.409.917	6.957.016.479
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	482.282.022	449.321.376
7 Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8 Chi phí bán hàng	24		-	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6.695.103.614	6.281.173.856
10 Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.149.588.325	1.125.163.999
11 Thu nhập khác	31		88.937.614	86.680.365
12 Chi phí khác	32		24.399.354	-
13 Lợi nhuận khác	40		64.538.260	86.680.365
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.214.126.585	1.211.844.364
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	31	247.705.188	242.368.873
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52			
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		966.421.397	969.475.491
19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70			

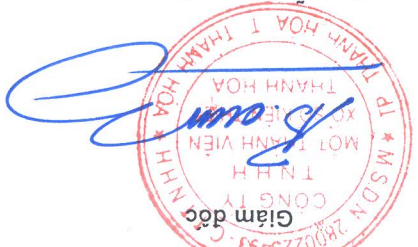
Người lập biểu

Kế toán trưởng

*(Signature)*

Phạm Văn Tư

Nguyễn Trọng Quang



Thanh Hoá, ngày 29 tháng 01 năm 2019

**Kết quả hoạt động kinh doanh**

Năm 2018

Phần II - Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước

Đơn vị tính: VND

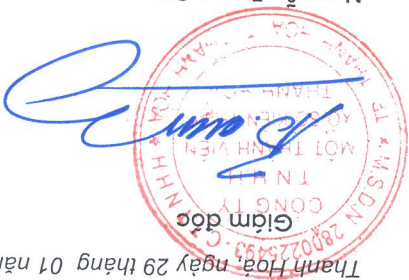
Chỉ tiêu	Số còn phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số còn phải nộp cuối kỳ
1 Thuế	1.168.810.624	11.364.522.952	10.881.474.994	1.651.858.582
1 Thuế GTGT hàng bán nội địa	679.910.667	4.565.353.609	4.081.471.971	1.163.792.305
2 Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
3 Thuế tiêu thụ đặc biệt	479.698.577	6.136.970.989	6.088.450.198	528.219.368
4 Thuế doanh thu	-	-	-	-
5 Thuế thu nhập doanh nghiệp	(12.579.145)	247.705.188	302.897.270	(67.771.227)
6 Thu trên vốn	-	-	-	-
7 Thuế thu nhập từ hoa hồng đại lý	-	11.283.330	80.488.800	11.283.330
8 Tiền thuế đất	-	80.488.800	80.488.800	-
9 Tiền thu nhập từ trưng giải đặc biệt	-	301.024.000	301.024.000	-
10 Thuế TNCN	21.780.525	16.334.806	21.780.525	16.334.806
11 Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	2.362.230	2.362.230	-
11 Các khoản phải nộp khác	(2.157.394)	21.330.560	20.638.403	(1.465.237)
1 Các khoản phụ thu	-	-	-	-
2 Các khoản phí, lệ phí	-	-	-	-
3 Các khoản khác	(2.157.394)	21.330.560	20.638.403	(1.465.237)
Tổng cộng	1.166.653.230	11.385.853.512	10.902.113.397	1.650.393.345

Người lập biểu

Kế toán trưởng

*(Handwritten signature)*

Phạm Văn Tư



Nguyễn Trọng Quang

Thanh Hoá, ngày 29 tháng 01 năm 2019

**BÁO CÁO LƯU-CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

NĂM 2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	51 728 927 023	51 146 547 807
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	- 618 495 950	- 571 916 520
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	-2 838 002 006	-3 028 261 944
4. Tiền chi trả lãi vay	04		
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	- 312 695 352	- 371 935 490
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	5 686 705 447	3 801 099 331
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	-53 517 780 057	-49 808 686 276
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	128 659 105	1 166 846 908
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	88 937 614	86 680 365
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	482 019 809	448 991 275
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	570 957 423	535 671 640
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	- 13 314 582	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	- 13 314 582	
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	686 301 946	1 702 518 548
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	11 416 702 000	9 714 183 452
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	12 103 003 946	11 416 702 000

Người lập biểu

Kế toán trưởng

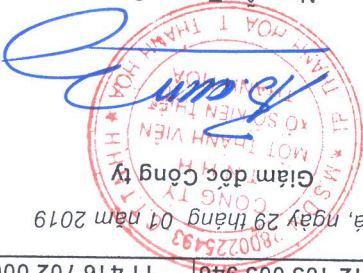
*(Chữ ký)*

Phạm Văn Tư

Giám đốc Công ty

Thanh Hoá, ngày 29 tháng 01 năm 2019

Nguyễn Trọng Quang



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

### I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH một thành viên Xổ sở kiến thiết Thanh Hoá là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 06/01/1993 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá và Quyết định chuyển đổi thành Công ty TNHH một thành viên Xổ sở kiến thiết Thanh Hoá số 3279/QĐ-UBND ngày 23/09/2009. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 28.0022.54.93 do Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Thanh Hoá cấp ngày 28 tháng 12 năm 2009.

#### Ngành nghề kinh doanh

1. Kinh doanh phát hành các loại hình xổ số
  - Xổ số truyền thống
  - Xổ số biết kết quả ngay (Xổ số bốc, xổ số cào)
  - Xổ số lô tô các loại.
  2. Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, du lịch.
  3. Kinh doanh dịch vụ vận tải.
  4. Liên doanh, liên kết với các tổ chức kinh tế trong hoạt động xổ số.
  5. Kinh doanh các ngành nghề khác theo qui định của pháp luật.
- Đặc điểm hoạt động của Doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính
- Thời tiết mưa bão, nắng nóng, thị hiếu của người chơi, mức thu nhập dân cư

### II. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

#### Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

#### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 168/2009/TT-BTC ngày 19/08/2009 Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty Xổ số kiến thiết.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán máy

### IV. Các chính sách kế toán áp dụng

#### Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền: Xác định theo giá thị trường tại thời điểm phát sinh.  
- Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán: Quy đổi các đồng tiền ngoài tệ theo tỷ giá thực tế phát sinh, cuối năm xác định chênh lệch tỷ giá theo tỷ giá do liên Ngân hàng thông báo vào ngày 31/12/2017.

Nguyễn tác danh gia hàng tồn kho

**Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: theo giá gốc;
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: theo giá đích danh;
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên;
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Theo quy định tại Thông tư số 228/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán thuê tối thiểu (không bao gồm theo GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc
  - Máy móc, thiết bị
  - Phương tiện vận tải
  - Thiết bị văn phòng
  - Quyên sử dụng đất
- 20 - 50 năm  
05 - 12 năm  
06 - 10 năm  
04 - 08 năm  
20 năm

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gia sử dụng hữu ích của nó.

**Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty.

**Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí di vật**

Chi phí di vật được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phát sinh, trừ chi phí di vật liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí di vật")

Chi phí di vật liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Tỷ lệ vốn hoá chi phí lãi vay trong kỳ là : %

**Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Lỗi chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng có bản;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn;

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.  
Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây dựng hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:  
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua;  
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;  
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;  
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;  
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng;

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.  
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.  
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.  
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.  
Phần công việc công cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh về tiền lãi, tiền bản quyền, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện sau:  
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;  
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:  
- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;  
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;  
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;  
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản tiền được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:

Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái  
V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng Cân đối kế toán

**1. Tiền**

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	1.298.280.311 VND	1.996.997.786 VND
Tiền gửi ngân hàng	10.804.723.635	9.419.704.214
Tiền đang chuyển	12.103.003.946	11.416.702.000

2. Các khoản phải thu khách hàng

Cộng	1.039.973.650	1.039.973.650
- Phải thu khách hàng	843.523.673	843.523.673
	<u>843.523.673</u>	<u>843.523.673</u>
	VND	VND
	Cuối năm	Đầu năm

3. Các khoản phải thu khác

Cộng	252.720.863	252.720.863
- Phải thu về cổ phần hoá	252.720.863	252.720.863
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận chia		
- Phải thu người lao động		
- Phải thu khác		
+ Dư nợ TK 138	169.099.341	174.545.060
+ Dư nợ TK 338	83.621.522	59.121.799
	<u>252.720.863</u>	<u>233.666.859</u>
	VND	VND
	Cuối năm	Đầu năm

4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Lưu ý: Trường hợp có phải thu không có khả năng thu hồi ở một trong các chỉ tiêu phải thu ngắn hạn đối với các công ty niêm yết thì phải thuyết minh rõ.

Cộng giá gốc hàng tồn kho	223.613.421	143.406.388
- Hàng mua đang đi trên đường	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	-	-
- Công cụ, dụng cụ	32.283.908	9.126.283
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	22.911.000	1.268.480
- Thành phẩm	-	-
- Hàng hóa	168.418.513	133.011.625
- Hàng gửi đi bán	-	-
- Hàng hoá kho bảo thuế	-	-
- Hàng hoá bất động sản	-	-
	<u>223.613.421</u>	<u>143.406.388</u>
	VND	VND
	Cuối năm	Đầu năm

5. Hàng tồn kho

- Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản nợ phải trả;  
- Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm;  
- Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Cộng	926.689.900	369.982.400
- Tài sản ngắn hạn khác	926.689.900	369.982.400
	<u>926.689.900</u>	<u>369.982.400</u>
	VND	VND
	Cuối năm	Đầu năm

6. Tài sản ngắn hạn khác

Cộng	926.689.900	369.982.400
- Phải thu dài hạn nội bộ		
- Phải thu dài hạn khác		
9. Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình		



Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	TSCD khác	Công
Nguyên giá	3.840.604,467	191.730,338	1.230.263,928	-	5.262.598,733	-
Số dư đầu năm	-	-	-	-	-	-
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	768.446,785	146.622,996	1.204.231,264	-	2.119.301,044	-
Giá trị còn lại	3.206.503,607	63.159,289	39.427,064	-	3.309.089,961	3.143.297,689
Tại ngày đầu năm	-	-	-	-	-	-
Tại ngày cuối kỳ	3.072.157,682	45.107,342	26.032,664	-	3.143.297,689	-

10. Tăng, giảm Tài sản cố định thuê tài chính

11. Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Quyên sử dùng đất	Quyên phát hành	Bản quyền băng sáng chế	Phần mềm máy vi tính	Nhãn hiệu hàng hoá	Công
Nguyên giá	2.029.500,000	-	-	-	-	2.029.500,000
Số dư đầu năm	-	-	-	-	-	-
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	2.029.500,000	-	-	-	-	2.029.500,000
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-	-	-
Số dư đầu năm	-	-	-	-	-	-
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	2.029.500,000	-	-	-	-	2.029.500,000
Giá trị còn lại	-	-	-	-	-	-
Tại ngày đầu năm	2.029.500,000	-	-	-	-	2.029.500,000
Tại ngày cuối kỳ	2.029.500,000	-	-	-	-	2.029.500,000

12. Chi phí XD CB Dã dang

Cuối năm	VND
Đầu năm	VND

Mua sắm TSCD

XDCB nhà trụ sở  
Sửa chữa lớn TSCB

Cộng 88.001.000

13. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCB  
Chi phí thành lập doanh nghiệp  
Chi phí nghiên cứu có giá trị lớn  
Chi phí phát hành cổ phiếu  
Chi phí công cụ dụng cụ chưa phân bổ

Cộng 12.895.454

14. Phải trả người bán

- Phải trả người bán

Cộng 78.001.000

15. Người mua trả tiền trước

- Người mua trả tiền trước

Cộng 56.065.000

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

- Thuế GTGT  
- Thuế TTDB  
- Thuế xuất, nhập khẩu  
- Thuế doanh thu  
- Thuế TNDN  
- Thuế thu nhập cá nhân  
- Thu tiền vốn  
- Thuế thu nhập từ hoa hồng đại lý  
- Thuế tài nguyên  
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất  
- Các loại thuế khác  
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác

Cộng 1.163.792.305

Đầu năm 479.698.577

-

Đầu năm 21.780.525

-

Đầu năm 1.166.653.230

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể được thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17. Chi phí phải trả

- Chi phí phải trả

Cộng 438.843.462

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngân hàng khác

	Cuối năm	Đầu năm
19. Phải trả dài hạn nội bộ		
Cộng	734.820.240	728.691.605
- Tài sản chờ xử lý	-	-
- Kinh phí công đoàn	22.719.212	15.228.453
- Bảo hiểm xã hội, y tế	-	-
- Phải trả khoí Xổ số liên kết miền bắc	-	-
- Doanh thu chưa thực hiện	664.586.000	666.586.000
- Nhận ký quỹ kỳ cược ngân hàng	47.515.028	24.157.940
- Các khoản phải nộp khác (TK 3385+3388)	-	-
20. Vay và nợ dài hạn		
Cộng		
- Trả phiếu phát hành	-	-
- Vay dài hạn	-	-
- Vay ngân hàng	-	-
- Vay đối tượng khác	-	-
- Trái phiếu phát hành	-	-
Nợ dài hạn	-	-
- Thuế tài chính	-	-
- Nợ dài hạn khác	-	-
Cộng		

21. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

22. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	A	1	2	3	4	5	6	7
	Vốn đầu tư của CSH	Quý đầu tư phát triển	Quý dự phòng tài chính	Vốn khác của chủ sở hữu	Quý khác	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng	
Số dư đầu năm	10.839.851.439	602.041.821	-	-	-	11.441.893.260	11.441.893.260	
Tăng vốn trong năm nay	195.253.355	195.253.355	-	0	-	195.253.355	195.253.355	
Lãi trong năm nay	-	-	-	0	0	966.421.397	966.421.397	
Tăng khác	-	-	-	0	0	0	0	
Giảm vốn trong năm nay	0	0	0	0	0	0	0	
Lỗ trong năm nay	-	-	-	0	0	0	0	
Giảm khác	11.491.344	11.491.344	0	0	0	977.912.741	977.912.741	
Số dư cuối năm nay	10.828.360.095	797.295.176	0	0	0	11.625.655.271	11.625.655.271	

\* Lợi nhuận sau thuế sau khi điều chỉnh tăng  
b) Chi tiết vốn đầu tư của Chủ sở hữu

Vốn góp của Nhà nước	100%	10.828.360.095	100%	10.839.851.439	100%
Vốn góp của các cổ đông, thành viên	0%	0	0%	0	0%
- Do pháp nhân nắm giữ					
- Do thể nhân nắm giữ					
<b>Cộng</b>		<b>10.828.360.095</b>	<b>100%</b>	<b>10.839.851.439</b>	<b>100%</b>

- Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm

- Số lượng cổ phiếu quy

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	10.828.360.095	Cuối năm	10.828.360.095
Vốn góp đầu năm		Đầu năm	10.839.851.439

Vốn góp đầu năm

Vốn góp tăng trong năm

Vốn góp giảm trong năm

Vốn góp cuối năm

Cổ tức, lợi nhuận đã chia

d) Cổ tức: Đơn vị căn cứ vào điều lệ hoạt động của Công ty và căn cứ vào luật doanh nghiệp nhà nước.

e) Các quỹ của công ty	797.295.176	Cuối năm	797.295.176
- Quỹ đầu tư phát triển		Đầu năm	602.041.821
- Quỹ dự phòng tài chính			
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			

\* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

<b>Cộng</b>	<b>797.295.176</b>	<b>602.041.821</b>
-------------	--------------------	--------------------

g) Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo qui định của các chuẩn mực kế toán cụ thể:

23. Nguồn kinh phí

24. Tài sản thuế ngoài

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

25. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Năm nay	Năm trước
VND	VND
47.055.341.606	46.141.892.843

Doanh thu bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu hợp đồng xây dựng

- Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ

- Tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng được ghi nhận đến thời điểm lập báo cáo tài chính

<b>Cộng</b>	<b>47.055.341.606</b>	<b>46.141.892.843</b>
-------------	-----------------------	-----------------------

26. Các khoản giảm trừ doanh thu

Chiết khấu thương mại

Giảm giá hàng bán

Hàng bán bị trả lại

Thuế TTDB

Cộng

27. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

Năm nay	Năm trước
6.136.970.989	6.017.275.731
6.136.970.989	6.017.275.731

28. Giá vốn hàng bán	
Cộng	40.124.617.112
Doanh thu thuần sản phẩm, hàng hoá	40.124.617.112
Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng	

29. Doanh thu hoạt động tài chính	
Cộng	33.555.960.700
Giá vốn của hàng hoá đã bán	33.555.960.700
Giá vốn của thành phẩm đã bán	
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	
Giá trị còn lại, chỉ phí nhượng bán, thanh lý của bất động sản đầu tư đã bán	
Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư	
Hao hụt, mất mát hàng tồn kho	
Các khoản chi phí vượt mức bình thường	
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	

30. Chi phí tài chính	
Cộng	482.282.022
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	482.282.022
- Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	
- Lãi bán ngoại tệ	
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	
- Lãi bán hàng trả chậm	
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	

31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	
Cộng	-
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	

32. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	
Cộng	247.705.188
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN theo biên bản thuế	
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	247.705.188

Năm nay	Năm trước
VND	VND
247.705.188	242.368.873

Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế  
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại  
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ (\*)

Báo cáo tài chính  
Số 20 Đại lộ Lê Lợi - Thành phố Thanh Hoá

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31/12/2018

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỞ KIẾN THIẾT THANH HOÁ

Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính

thuế và ưu đãi tính thuế chưa sử dụng (\*)

Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nhập

thuế thu nhập hoãn lại phải trả (\*)

Cộng

Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được công ty TNHH Tài chính Kế toán và Kiểm toán VN kiểm toán. Số liệu này đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phạm Văn Tư

Nguyễn Trọng Quang

Thanh Hoá, ngày 29 tháng 01 năm 2019

Giám đốc

